

BỘ LÂM NGHIỆP-ỦY
BAN XÂY DỰNG CƠ
BẢN NHÀ NƯỚC
Số: 155/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1986

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Về nội dung, đối tượng, trình tự đầu tư xây dựng cơ bản lâm sinh

Căn cứ Nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản, Nghị quyết số 166-HĐBT ngày 15-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến quản lý xây dựng cơ bản và Nghị quyết 52-HĐBT ngày 23-2-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến quản lý lâm trường quốc doanh;

Để đưa công tác xây dựng cơ bản lâm sinh vào nề nếp;

Liên Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước quy định như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Nội dung của xây dựng cơ bản lâm sinh bao gồm việc xây dựng vốn cây đứng (tức tạo ra 1 quần thể sinh vật có mục đích: cây gỗ, cây dưới tán, chim thú rừng...) trên đất rừng đã được quy hoạch theo hướng phát triển và ổn định lâu dài.

Đối với đất bị thoái hoá mạnh thì trước khi xây dựng vốn cây đứng phải tiến hành cải tạo đất để tạo ra đất rừng có đủ điều kiện cho cây rừng tồn tại và phát triển.

Với nội dung trên, đối tượng chủ yếu của xây dựng cơ bản lâm sinh là: rừng trồng mới có mục đích; rừng tự nhiên cần khoanh nuôi, tu bổ, cải tạo làm giàu rừng v.v... để chuyển thành rừng có mục đích.

1.2. Các loại rừng trong xây dựng cơ bản lâm sinh

Phân theo mục đích sử dụng, chia ra:

1.2.1. Rừng sản xuất: Phục vụ cho việc sản xuất gỗ, củi, các loại lâm sản, đặc sản như:

- Rừng cung cấp gỗ lớn.
- Rừng nguyên liệu công nghiệp giấy, sợi, trụ mỏ.
- Rừng đặc sản (tinh dầu, hương liệu, dược liệu v.v...)

- Rừng cung cấp củi.

- Rừng cây giống.

1.2.2. Rừng đặc dụng: Phục vụ cho mục đích văn hoá, khoa học, quốc phòng, bảo tồn thiên nhiên, như:

- Rừng thắng cảnh du lịch.

- Rừng bảo vệ các khu văn hoá, lịch sử, quốc phòng.

- Vườn Quốc gia, khu bảo vệ thiên nhiên.

- Các khu thí nghiệm, thực nghiệm khoa học, đào tạo.

1.2.3. Rừng phòng hộ: Để chống lại các yếu tố có hại đến sản xuất và đời sống, như:

- Rừng đầu nguồn

- Rừng chống cát bay, rừng chống sóng, lấn biển.

- Rừng chống gió độc hại, chống ô nhiễm môi trường.

Loại rừng sản xuất mang tính chất của công trình sản xuất. Loại rừng đặc dụng và rừng phòng hộ mang tính chất công trình không sản xuất.

Trong mỗi loại trên đều có cả rừng tự nhiên, rừng trồng và bao gồm cả đất phải trồng rừng.

1.3. Công trình, hạng mục công trình

1.3.1. Công trình: Lâm trường, xí nghiệp lâm nghiệp, trung tâm nghiên cứu thực nghiệm lâm sinh ... (gọi chung là lâm trường) được xem là 1 công trình xây dựng, là đối tượng để đầu tư tính toán hiệu quả kinh tế. Lâm trường có nhiều hạng mục nằm trong hệ thống dây chuyền công nghệ đồng bộ, hoàn chỉnh để thực hiện việc xây dựng rừng, sản xuất các loại lâm sản, đặc sản từ vốn rừng, áp dụng phương thức nông lâm kết hợp để sản xuất thêm các loại nông sản, thủy sản phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu từng nơi.

Lâm trường có quy mô như sau:

- + Lâm trường kinh doanh gỗ lớn, rừng tự nhiên: khoảng 20.000 ha.

- + Lâm trường kinh doanh gỗ nhỏ và trồng rừng: khoảng 10.000 ha.

- + Lâm trường kinh doanh đặc sản: khoảng 5.000 ha.

- + Xí nghiệp, lâm trường giống cây rừng: khoảng 1.000-5.000 ha.

+ Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm, đào tạo: khoảng 1.000-3.000 ha

1.3.2. Hạng mục công trình:

- Lâm trường được chia ra thành nhiều tiểu khu rừng. Mỗi tiểu khu là một hạng mục công trình.

Tiểu khu rừng là đối tượng để lập thiết kế dự toán, thi công, thanh quyết toán về đánh giá hiệu quả đầu tư từng phần.

Tiểu khu là cơ sở để bố trí hợp lý 1 dây chuyền: lâm sinh khai thác - lâm sinh phù hợp với yêu cầu khoa học kỹ thuật và tổ chức sản xuất.

Tiểu khu có ranh giới rõ ràng trên bản đồ và trên thực địa, có tên gọi theo số hiệu.

Mỗi tiểu khu có quy mô như sau:

+ Rừng sản xuất gỗ lớn, rừng tự nhiên khoảng 1000 ha

+ Rừng kinh doanh gỗ nhỏ, trồng rừng: khoảng 500 - 1000 ha.

+ Rừng đặc sản: khoảng 500 ha

+ Rừng cây giống khoảng 500 ha

+ Rừng nghiên cứu thực nghiệm, đào tạo: khoảng 500 ha

Tiểu khu được chia thành nhiều khoảnh. Mỗi khoảnh có diện tích bình quân 100 ha và được chia thành nhiều lô. Mỗi lô có diện tích bình quân 10 ha. Lô là đơn vị để thi công và thanh toán hàng năm. Mỗi năm có thể thi công một hoặc nhiều lô trong một tiểu khu rừng.

- Hạng mục phòng chống cháy cho một lâm trường hay một khu rừng, bao gồm: đường ranh cản lửa, chòi canh, kênh, mương, hồ chứa nước.

- Hạng mục phòng chống sâu bệnh cho một lâm trường hay một khu rừng, bao gồm cả trạm dự báo, đội phòng trừ sâu bệnh...

- Hạng mục vườn ươm lớn ổn định có công suất khoảng từ 2 triệu cây/năm trở lên.

Ngoài các hạng mục nói trên, trong lâm trường còn có các hạng mục công trình công nghiệp, dân dụng như: Lâm trường Bộ, cụm dân cư, cơ sở chế biến gỗ, xưởng sửa chữa v.v... Các hạng mục này được xem xét đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.4. Các giai đoạn lâm sinh:

1.4.1. Đối với rừng trồng: Chu kỳ từ khi trồng đến khi rừng thành thực sinh học hoặc công nghệ được chia thành 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1: Trồng. Chăm sóc
- Giai đoạn 2: Nuôi dưỡng. Bảo vệ

Mỗi giai đoạn chia ra 2 bước để tiện cho việc đầu tư và quản lý (chi tiết xem phụ lục).

1.4.2. Đối với rừng tự nhiên: Căn cứ vào quy hoạch sản xuất và trạng thái rừng để tiến hành khoanh nuôi, tu bổ làm giàu rừng. Từ đó, chia ra các giai đoạn lâm sinh thích hợp.

Đối với nơi cải tạo theo lô... được xem như trồng rừng mới và áp dụng các quy định cho trồng rừng.

1.5. Đầu tư xây dựng cơ bản lâm sinh:

Bảo đảm đầu tư liên tục, đồng bộ từ lúc tạo cây con trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, tỉa thưa bảo vệ liên tục đến khi rừng có sản phẩm hoặc đạt yêu cầu thiết kế theo các giai đoạn lâm sinh quy định sau:

1.5.1. Đối với rừng trồng:

- Rừng sản xuất: đến khi kết thúc giai đoạn 2.
- Rừng đặc dụng: đến khi kết thúc bước 1 giai đoạn 2 (riêng các khu thực nghiệm khoa học: đến khi kết thúc giai đoạn 2).
- Rừng phòng hộ: đến khi kết thúc giai đoạn 1.

1.5.2. Đối với rừng tự nhiên: Đến khi đạt yêu cầu (công suất) thiết kế.

1.6. Suất đầu tư xây dựng cơ bản lâm sinh:

Được tính đồng bộ tất cả các yếu tố cần thiết để tạo thành rừng. Suất đầu tư xây dựng cơ bản lâm sinh gồm 2 phần:

- Suất đầu tư lâm sinh thuần túy (có phân ra theo từng giai đoạn lâm sinh).
- Suất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (tính chung cho tất cả các giai đoạn).

1.7. Kế hoạch hoá đầu tư xây dựng cơ bản lâm sinh:

Thực hiện đầu tư theo công trình (phân ra theo từng hạng mục lâm sinh) từ đầu đến khi kết thúc theo quy định ở mục 1.5 nói trên.